

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới

ThS. HOÀNG THỊ THU THỦY

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Email: thuyhtt@uneti.edu.vn

Tóm tắt: Tại Đại hội VI và trước đó trong quá trình chuẩn bị cho Đại hội, trong toàn Đảng đã diễn ra một đợt sinh hoạt chính trị rất sôi nổi về vấn đề đánh giá cho đúng tình hình kinh tế - xã hội trong nước. Đã có những ý kiến khác nhau, song khi quy chiếu về những lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin và đặc biệt là tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) thì về cơ bản đã đạt được sự thống nhất. Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Thắng để quốc và phong kiến là tương đối dễ, thắng bản cùng và lạc hậu còn khó hơn nhiều"⁽¹⁾ được hiểu một cách thấm thía hơn bao giờ hết.

Từ khóa: tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối đổi mới.

1. Vận dụng tư tưởng về thời kỳ quá độ của Hồ Chí Minh trong thực hiện những nhiệm vụ kinh tế cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Luận điểm của Hồ Chí Minh: "Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ"⁽²⁾ trở thành chỗ dựa vững chắc để cán bộ, đảng viên đánh giá đúng sự thật và nói đúng sự thật. Và để từ đó nhận thấy rõ những sai lầm, "nóng vội chủ quan duy ý chí giản đơn về CNXH" trong các nghị quyết, các chủ trương được triển khai sau ngày đất nước được giải phóng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về "lấy dân làm gốc" để khẳng định sự nghiệp cách mạng của Đảng "chỉ có một mục đích là ra sức phụng sự nhân dân"⁽³⁾, được một lần nữa xác định rõ và thấm nhuần ý nghĩa sâu sắc trong các văn kiện của Đại hội VI cũng như các đại hội tiếp theo. Câu nói của Người từ cuối những năm 50 của thế kỷ 20: Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử, địa lý khác... Ta có thể đi theo con đường khác để tiến lên CNXH. Đó cũng chính là cơ sở để Đảng ta đoạn tuyệt với những quan điểm giáo điều và kinh nghiệm chủ nghĩa đã hàng chục năm gây nhiều cản trở đối với tinh thần sáng tạo của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Những đại hội về sau, luận điểm trên được từng bước hoàn thiện cho đến Đại hội IX được khẳng định rõ ràng là: "Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước"⁽⁴⁾. Với những lời tự phê phán nghiêm khắc của Đảng trong văn kiện về hàng loạt những sai lầm chủ quan dẫn đến thực trạng "đất nước rơi vào những khủng hoảng kinh tế - xã hội" Những nguyên nhân khách quan như sự tàn phá của chiến tranh, bao vây, cấm vận và thù địch của các thế lực phản động

quốc tế không còn là những nguyên nhân quan trọng nhất nữa. Nhận thức được sai lầm để kiên quyết sửa chữa - đó cũng chính là sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh. Sinh thời, Hồ Chí Minh đã từng nói rõ: "một Đảng mà không dám nhận khuyết điểm, sai lầm của mình là một đảng hỏng. Đổi mới tư duy mà trước hết là tư duy kinh tế tại Đại hội VI được xác định chính trên cái nền tư tưởng đó."

Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI cũng chính là những năm tháng đầy khó khăn, gian khổ, "lạm phát phi mã", thất nghiệp cao, lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm thiếu gay gắt. Viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) lúc đó cũng thực sự giảm đi nhanh chóng. Các thế lực thù địch xiết chặt thêm vòng vây cấm vận, phá hoại sự ổn định chính trị. Trong khó khăn cũng đã từng có một bộ phận cán bộ, đảng viên suy giảm niềm tin, thậm chí xin ra khỏi Đảng. Tuy nhiên, đại bộ phận đảng viên vẫn kiên trì, tìm cách thực hiện "đổi mới", sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân được tập trung để thực hiện những đổi mới về cơ chế, chính sách trong phân phối, lưu thông, đặc biệt là trong nông nghiệp.

Điểm đột phá đầu tiên là nghị quyết Trung ương 2 (khoá VI) về lưu thông theo hướng xoá bỏ những rào cản, tình trạng cát cứ làm chia cắt thị trường tạo nên những mất cân đối cung - cầu giả tạo không có lợi cho người sản xuất và người tiêu dùng mà chỉ có lợi cho những người có chức năng lưu thông, phân phối. Tư tưởng Hồ Chí Minh về: "không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng, không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên" là cơ sở lý luận cho quyết sách đó. Thị trường được "cởi trói" thoát khỏi sợi dây "bao cấp" đã góp phần bình hoà về cung - cầu đúng với thực chất của nền kinh tế quốc

dân, tạo cơ sở để thực hiện bước cải cách tiếp theo là xoá bỏ chế độ tem phiếu - một đặc trưng của cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp.

Với ba chương trình kinh tế lớn được thông qua tại Đại hội VI, vấn đề phát triển lực lượng sản xuất được thực sự đặt ở vị trí cao hơn so với xây dựng quan hệ sản xuất mới. Một mặt, đó là biện pháp sửa sai sau nhiều năm đặt trọng tâm vào quan hệ sản xuất mới với hy vọng là *“quan hệ sản xuất mới mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển”*⁽⁵⁾. Về mặt lý luận cũng như thực tiễn thì đây là sự thay đổi đúng hướng. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh vấn đề quan hệ sản xuất luôn luôn chỉ là thứ yếu so với phát triển lực lượng sản xuất trong điều kiện một nước kém phát triển như nước ta.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp, nông thôn, về kinh tế hợp tác xã trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội

Trong di sản lý luận của Hồ Chí Minh, phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta đầu tiên và trước hết là phát triển sản xuất nông nghiệp nhằm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, kế đó là công nghiệp nhẹ để đảm bảo cung cấp phần lớn hàng tiêu dùng cho nhân dân. Còn công nghiệp nặng theo Người là cần phải có, xong nó chỉ được xây dựng từng bước để hướng đến đủ làm cơ sở cho một nền kinh tế độc lập. Xét về mọi phương diện của nền kinh tế quốc dân, Hồ Chí Minh luôn xác định: *“tất cả các ngành từ công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, ngân hàng, giao thông, kiến trúc, văn hóa, giáo dục, y tế, v.v.. đều cần phải phát triển toàn diện nhưng các ngành này phải lấy phục vụ nông nghiệp làm trọng tâm”*⁽⁶⁾.

Với Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (4/1988), nông nghiệp thực sự được coi là khâu trung tâm, *“mắt xích quan trọng nhất”* của nền kinh tế quốc dân và cần phải đổi mới triệt để cơ chế quản lý. Có thể coi đây là một trong những thành công lớn nhất của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Lực lượng sản xuất trong nông nghiệp được thực sự giải phóng và chính nó đã làm thay đổi một cách nhanh chóng về sức sống của nền nông nghiệp Việt Nam. Sự kiện Việt Nam đang từ một nước phải nhập khẩu hàng triệu tấn lương thực hàng năm, bỗng nhiên xuất hiện trên thị trường xuất khẩu với hàng chục vạn tấn gạo, mãi hàng chục năm sau vẫn còn được các chuyên gia của Tổ chức Nông Lương Liên hợp Quốc (FAO) nhắc đến với niềm khâm phục chân thành.

Một cách làm rất Việt Nam và tất nhiên là rất Hồ Chí Minh trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ. Đồng Việt Nam vững giá trở lại và cùng với quỹ lương thực đã khá dồi dào, đời sống của đông đảo cán bộ, công chức, lực

lượng vũ trang bắt đầu được cải thiện rõ rệt. Lòng dân trở nên yên hơn, khối đoàn kết toàn dân dưới ngọn cờ của Đảng đã vững chắc hơn nhiều so với trước, đủ sức để đương đầu với những sự kiện chấn động thế giới đang tới gần khi đó: sự sụp đổ của bức tường Béc-lin (12/1989) và Liên Xô tan rã (8/1991).

Trong hoàn cảnh bị bao vây, cấm vận rất ngặt nghèo đến mức không ít thế lực thù địch đã tưởng chừng sắp được chứng kiến một Việt Nam sụp đổ như Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu, nhờ đổi mới và sáng tạo, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ra sức phấn đấu, vượt lên và từng bước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội một cách vững chắc. Những tiền đề để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) cũng từng bước được chuẩn bị một cách chắc chắn.

Với *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH* được thông qua tại đại hội VII, Đảng ta một lần nữa chứng minh tính độc lập, tự chủ của mình trong hoạch định chiến lược cách mạng. Phương châm *“Đi bất biến, ứng vạn biến”* của Hồ Chí Minh được vận dụng để xác định tình thế cách mạng và con đường đi lên CNXH của Việt Nam trong một thế giới *“hậu chiến tranh lạnh”* và CNXH đã không còn tồn tại với tư cách một hệ thống.

Về đường lối xây dựng CNXH, Đảng ta vẫn kiên trì con đường quá độ lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Như vậy, một mặt vẫn tiếp tục *“đi bất biến”* tức là không thay đổi mục tiêu xây dựng thành công CNXH trên đất nước Việt Nam, mặt khác thực hiện sự đổi mới tư duy đối nội và đối ngoại theo hướng *“ứng vạn biến”*.

Về đối nội, Đảng chủ trương tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội theo hướng phát huy các lợi thế, khơi dậy các tiềm năng để phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Trong kinh tế, phát huy thắng lợi của *“Khoán 10”*, tiếp tục đổi mới kinh tế hợp tác xã, phát triển kinh tế trang trại gia đình để chuyển mạnh nông nghiệp sang kinh tế hàng hoá. Có nghĩa là, về cơ bản vẫn dành ưu tiên cho nông nghiệp, không vội vã tiến hành công nghiệp hóa (CNH) khi chưa có đủ các điều kiện cần thiết. Theo tinh thần đó, Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VII) tập trung vào vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng phát triển sản xuất hàng hoá. Theo tinh thần đó, đổi mới kinh tế hợp tác xã trong thực tế còn cần phải làm rất nhiều. Sau một số năm làm *“Khoán 10”*, kinh tế hộ nông dân đang đứng trước hàng loạt những

vấn đề mà Đảng cần phải giải quyết để tiếp tục con đường đưa nông dân lên CNXH. Tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ rõ những quan điểm chỉ đạo cần đặc biệt lưu ý trong thực tế của lĩnh vực đầy nhạy cảm này. Trong số đó, quan trọng hơn hết là vấn đề kết hợp lý luận hợp tác hoá với thực tiễn nông thôn, nông nghiệp Việt Nam. Gần đây, trong văn kiện Đại hội IX và nhất là Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) vấn đề đó được vận dụng cụ thể trong chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn.

3. Vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh vào tạo lập các tiền đề để tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Đối với một nước nông nghiệp lao động thủ công còn phổ biến thì ngay từ những năm 50 của thế kỷ trước, Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm đến CNH nông nghiệp. Tư tưởng đó cũng được Đảng ta thường xuyên chú trọng trong thời kỳ đổi mới.

Tư tưởng không nóng vội, chủ quan, kinh nghiệm chủ nghĩa trong CNH của Hồ Chí Minh được Đảng ta vận dụng vào thời kỳ đổi mới một cách khá thành công. Đoạn tuyệt với tư duy "ưu tiên công nghiệp nặng" ham làm lớn không chú ý đến hiệu quả kinh tế - xã hội của những năm trước đổi mới. Thời kỳ đầu, trong các nghị quyết Đại hội VI, VII được tập trung để vừa thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vừa từng bước tạo tiền đề cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Đảng nhận thức một cách đầy đủ hơn về các tiền đề đó. Không còn là 300 kg lương thực/ người/ năm, cũng không có những chỉ tiêu pháp lệnh quan liêu trong các kế hoạch kinh tế của các cấp các ngành, thay vào đó là hai tiền đề thực sự quan trọng và phải tạo dựng trước khi bắt đầu thực hiện CNH, HĐH. Đó là: tạo lập và củng cố *sự ổn định chính trị - xã hội* và phá được thế bị bao vây cấm vận để có *môi trường quốc tế thuận lợi*.

Tuy nhiên, việc tạo lập tiền đề thứ hai lại phức tạp hơn nhiều, nó đòi hỏi phải có những bước đi đột phá về chính sách đối ngoại. Trong một trật tự thế giới bị đảo lộn sau chiến tranh lạnh, các nước đều gặp phải khó khăn trong điều chỉnh chính sách đối ngoại, nhất là các nước đang phát triển đã từng gắn bó chặt chẽ với Liên Xô trong lĩnh vực đối ngoại. Cường quốc số một thế giới là Mỹ lại chính là nước vẫn duy trì một cách dai dẳng chính sách cấm vận chống Việt Nam bất chấp những nỗ lực của phía Việt Nam trong hợp tác về các vấn đề nhân đạo. Với tư tưởng Hồ Chí Minh để mở cửa kinh tế, thiết lập quan hệ cùng có lợi với tất cả các nước kể cả những quốc gia đã từng xâm lược và cai trị mình,

Đảng ta thực thi một chính sách đối ngoại "gác lại quá khứ, hướng tới tương lai" hoàn toàn mới so với giai đoạn trước. Với Luật Đầu tư nước ngoài được coi là thông thoáng nhất khi đó (12/1987), Việt Nam đã gây được thiện cảm rõ rệt của các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư và chính phủ ở các nước phát triển.

Năm 1989, với sự lựa chọn đúng về ưu tiên khi đó, quan hệ với Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được bình thường hoá, xung đột biên giới được dập tắt, mở đường cho sự phát triển các mối quan hệ hữu nghị về lâu dài, để cuối cùng chính thức hoá được mối quan hệ láng giềng thân thiện và ký được Hiệp định biên giới trên đất liền và trên vịnh Bắc Bộ.

Trong Nghị quyết Đại hội VII có luận điểm rất quan trọng: "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển"⁽⁷⁾. Có thể thấy rất rõ luận điểm này là sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh được nêu trong một tuyên bố ngay sau ngày đất nước giành được độc lập: *Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực*.

Với tinh thần đó, khi quân tình nguyện Việt Nam đã không còn ở Campuchia nữa và Việt Nam thực hiện một cách đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tiền tệ quốc tế, nhiều nước và các tổ chức kinh tế quốc tế đã bắt đầu nổi lại viện trợ và quan hệ kinh tế bình thường với Việt Nam bất chấp chính sách cấm vận kinh tế của Mỹ. Khi mà hàng tỷ đôla chuẩn bị được giải ngân từ Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB) để giúp Việt Nam khôi phục và phát triển các công trình thuộc kết cấu hạ tầng theo đúng quy chế của các tổ chức này thì nguy cơ lệnh cấm vận làm thua thiệt cho chính các công ty Mỹ trở thành thực tế và họ đã vào cuộc cùng với Việt Nam và dư luận quốc tế đòi dỡ bỏ lệnh cấm vận đó. Ngày 3/2/1994, lệnh cấm vận kinh tế chống Việt Nam kể từ năm 1975 chính thức bị hủy bỏ, một môi trường quốc tế thuận lợi hơn tất cả các giai đoạn trước được hình thành. Trên cơ sở đó, Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng chính thức ra nghị quyết về đẩy tới một bước sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Những năm sau đó môi trường quốc tế liên tục được cải thiện. Lập quan hệ ngoại giao chính thức với Hoa Kỳ, lần đầu tiên trong lịch sử dựng nước và giữ nước, Việt Nam đã bình thường hoá được quan hệ với tất cả các cường quốc trên thế giới. Tiếp sau là việc gia nhập ASEAN, APEC và từng bước đàm phán để gia nhập WTO để kiến tạo một môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Xét về nội dung của

CNH, HĐH, thì đây cũng là một lĩnh vực mà Đảng ta tìm thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh nhiều điều chỉ dẫn, gợi mở cần được áp dụng. Trước hết là nhận thức rõ sai lầm trong nhiều năm trước khi đổi mới về CNH theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Nội dung thứ hai của CNH, HĐH là xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý cũng được bắt nguồn từ tư tưởng của Hồ Chí Minh, có thể tìm thấy điều đó trong bài trả lời phỏng vấn của báo *Người công nhân (Anh)* và trong *Báo cáo Dự thảo sửa đổi Hiến pháp*, ngày 18/12/1959. Thời kỳ đó, Người đã phác thảo ra mô hình cơ cấu kinh tế của đất nước là: Nền kinh tế XHCN với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến⁽⁸⁾.

Vận dụng tư tưởng đó của Người, trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp CNH, HĐH, Đảng ta đã xây dựng và ban hành các nghị quyết về cơ bản là phù hợp với điều kiện thực tiễn; sự nghiệp CNH, HĐH đã có những bước phát triển ngoạn mục. Những ngành hướng theo xuất khẩu đã thật sự rút ngắn được khoảng cách so với các nước. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam đã cạnh tranh mạnh mẽ và đứng chân khá vững chắc tại một số thị trường quan trọng nhất của thế giới như Mỹ, EU, Nhật Bản. Trong thành tựu gia tăng về xuất khẩu 20%/ năm có đóng góp rất quan trọng của những doanh nghiệp công nghiệp được xây dựng trong những năm đổi mới.

Đề CNH, HĐH một cách có hiệu quả, tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ rõ vai trò của yếu tố *nhân tài*. Là người từng bôn ba bốn bể năm châu, tận mắt chứng kiến những sự phát triển của các quốc gia tiên tiến trên thế giới, Hồ Chí Minh luôn tin tưởng ở con người Việt Nam trong sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ để xây dựng đất nước. Từ năm 1945, Người đã viết: *“Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển, càng thêm nhiều”*⁽⁹⁾. Nói rộng ra, Hồ Chí Minh rất quý trọng các trí thức, nhân tài, và coi trí thức là vốn quý của dân tộc. Trong quá trình cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh luôn luôn trân trọng, tin tưởng và giao trọng trách cho họ, kể cả những người không phải là đảng viên. Chính vì vậy, họ đã có rất nhiều cống hiến cho sự nghiệp cách mạng.

4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong đấu tranh chống tham nhũng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng

Từ rất sớm khi xác định bốn nguy cơ lớn đối với sự nghiệp cách mạng, Đảng ta đã coi tham nhũng là một

trong bốn nguy cơ đó. Nhận thức được điều đó, Đảng ta đã tiến hành đấu tranh kiên quyết với nạn tham nhũng. Hồ Chí Minh đã có những quan điểm rất dứt khoát cho cuộc đấu tranh chống tham ô, lãng phí. Với lời khẳng định: *Tham ô là trộm cướp*, ở Hồ Chí Minh không những xác định rõ bản chất của tham ô, mà còn muốn nhắc chúng ta không được lơ là mất cảnh giác với tệ nạn này. Trong thời kỳ đổi mới, cùng với sự gia tăng tài sản của Nhà nước, quy mô của nạn tham nhũng ngày một tăng lên. Mặc dù đã có những nỗ lực rất lớn nhưng tham nhũng chưa có dấu hiệu bị đẩy lùi. Những vụ việc phát hiện sau ngày càng có quy mô lớn hơn vụ trước. Cán bộ bị kết tội tham nhũng đã có cả ở cấp Ủy viên Trung ương Đảng một điều thật đau lòng đối với Đảng cũng như quần chúng nhân dân.

Tuy nhiên, có một điều cần phải khẳng định rõ là Đảng ta không bao giờ chịu lùi bước trong cuộc đấu tranh này. Những hạn chế trong đấu tranh chống tham nhũng chắc chắn sẽ được khắc phục để tăng cường uy tín của Đảng. Những *“con sâu làm rầu nồi canh”* sẽ bị loại bỏ và Đảng sẽ giành lại niềm tin yêu của nhân dân ngay trong cuộc đấu tranh này. Xét về thực chất của đấu tranh chống tham nhũng thì đây chính là cuộc đấu tranh để giữ vững định hướng XHCN trong quá trình đổi mới. Đảng chỉ giữ vững được bản chất cộng sản của mình khi và chỉ khi đẩy lùi và tiến tới loại bỏ được tham nhũng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một tài sản vô giá của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong đấu tranh cách mạng, đó là ngọn đuốc soi đường, chỉ lối để giành lấy chính quyền, thống nhất non sông. Trong công cuộc đổi mới để xây dựng CNXH, tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục là chỗ dựa tinh thần, là nguồn cảm hứng cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam để Đảng lãnh đạo nhân dân tiếp tục tiến lên trên con đường đấu tranh nhằm thoát khỏi tình trạng chậm phát triển, xây dựng một nước Việt Nam: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh./

(1) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. CTQG Sự thật, T.10, tr.4.

(2) Cuộc họp đầu tiên của Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến quốc ngày 10/01/1946, đăng trên Báo Cứu quốc, số 139, ngày 11/01/1946.
(3), (9) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sđd, T.4, tr.152, 99.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. CTQG Sự thật, H., tr.92.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam (1976), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, H., tr.47.

(6) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sđd, T.8, tr.277.

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, H., tr.146.

(8) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, S đđ, T.11, tr.459.